TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 47/2023/ HNGĐ- ST Ngày 26/9/2023 "V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hiệp

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 230/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984

Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Phí Văn T1(tên gọi khác: Phí Văn Trung V), sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh H.

Chị T, anh T1 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Chị T và anh T1 kết hôn ngày 24/8/2004, có đăng ký kết hôn UBND xã

Kim Đính, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Quá trình vợ chồng sinh sống hòa thuận, hạnh phúc từ năm 2004 đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh T1 phải lòng người phụ nữ khác, cụ thể là ai thì chị không rõ nhưng anh T1 về nhà gắn hắt vợ con. Khi chị thấy điện thoại của anh T1 cứ hiện tin nhắn vợ chồng và chị có nói anh T1 nhưng anh T1 không nhận và còn chửi bới, đánh chị. Tuy vậy, vì nghĩ con cái nên anh chị vẫn sinh sống với nhau. Rồi mỗi lần, anh T1 đi uống rượu về, còn dùng cả bia đổ lên đầu chị, chị vẫn phải nhẫn nhịn cho qua. Nhiều lần vợ chồng mâu thuẫn, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, rồi anh T1 lại sang động viên chị về sinh sống. Khi về sinh sống, chị và anh T1 lại sinh thêm cháu thứ ba. Tuy nhiên, đến năm 2018, chị có sinh cháu thứ ba là con gái. Khi đi sinh con, anh T1 và cả gia đình anh T1 không đưa đi, không quan tâm, không chăm sóc, bỏ mặc mẹ con chị ở viện và phải nhờ thím chị chăm sóc. Sinh con về được 1 tuổi, do anh T1 nợ nần nhiều, anh T1 đang đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Sau đó, chị cũng đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan nhưng vợ chồng không sinh sống cùng nhau mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bên đó. Đến năm 2022, anh T1 trốn ra ngoài nên bị trục xuất về nước và về sinh sống tại thôn C, xã K. Khi về sinh sống tại địa phương, anh T1 cũng không chịu làm ăn, tiếp tục chơi bời cờ bạc và nợ nần nhiều nên lại phải trốn nợ. Mỗi lần anh T1 liên lạc với chị, vợ chồng không nói năng được câu nào tử tế mà chỉ đòi gửi tiền về khiến chị rất mệt mỏi. Kể từ năm 2022 đến nay, anh chị đã không còn liên lạc gì với nhau. Đến tháng 7 năm 2023, chị hết hạn hợp đồng về nước nhưng chị về nhà ngoại sinh sống mà không về sinh sống cùng anh T1. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin ly hôn anh T1.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là Phí Thị Hồng Th, sinh ngày 31/10/2006; Phí Thị Phương T2, sinh ngày 26/3/2008, Phí Thị Kim D, sinh ngày 14/10/2018. Nếu vợ chồng ly hôn, chị đồng ý giao 3 con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh T1 là 1.000.000đồng/1 con/1 tháng, ba con là 3.000.000đồng/1 tháng. Vì hiện tại, chị đang sống nhờ nhà bố mẹ đẻ và em gái, chưa có việc làm ổn định nên chưa đảm bảo điều kiện nuôi dậy các cháu.

Về tài sản chung, nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương giải quyết vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản giấy tờ cho anh T1 nhưng anh T1 vắng mặt tại các buổi làm việc và không có trình bày quan điểm ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Qua xác minh với trưởng thôn C - xã K, ông Q, bà M - bố mẹ đẻ anh T1, chị T3 - em gái chị T, cháu T2, cháu Th- con anh T1 chị T thể hiện: Quá trình anh T1 và chị T sinh sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng, có lần anh T1 còn đánh chị T nên chị T bỏ về quê ở xã T, K, H sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông Q bà M trình bày do anh chị mải chơi lô đề cờ bạc gây nợ nần nhiều nên phải đi làm để trả nợ. Theo chị T3, nguyên nhân là do anh T1 có người phụ nữ khác, lại mải chơi lô đề cờ bạc, không quan tâm chăm lo kinh tế gia đình vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi cọ. Từ năm 2019 cho đến nay, anh chị đã không còn sinh sống với nhau. Nay chị T xin ly hôn anh T1, theo cháu T2 và cháu Th trình bày anh T1 có thông tin là để chị T tự giải quyết, anh không đến Tòa án làm việc. Quan điểm của gia đình ông Q bà đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị đoàn tụ, còn chị T kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T3 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn để chị T đỡ khổ. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Phí Thị Hồng Th, Phí Thị Phương T2, Phí Thị Kim D. Từ khi anh chị ly thân đến nay, ba cháu vẫn ở với ông Quang bà Miến và anh Trung. Chị Thắm không quan tâm gì đến các cháu cả về tình cảm lẫn kinh tế. Gia đình anh ông Q bà M và anh T1 vẫn nuôi dậy tốt ba cháu và cho các cháu ăn học đầy đủ.

Tại phiên tòa:

Chị T và anh T1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Phí Văn T1(tên gọi khác: Phí Văn Trung V). Về con chung: Giao ba con chung là Phí Thị Hồng Th, sinh ngày 31/10/2006; Phí Thị Phương T2, sinh ngày 26/3/2008, Phí Thị Kim D, sinh ngày 14/10/2018 cho anh T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2023 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh T1 là 1.000.000đồng/1 tháng/1 con, ba con là 3.000.000đồng/1 tháng kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng. Kể từ ngày anh T yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm thi hành số tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải

quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Về tố tụng: Chị T khởi kiện xin ly hôn anh T1(tên gọi khác V) có địa chỉ tại xã K, huyện K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự . Chị T, anh T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Chị có đơn xin xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phí Văn T(tên gọi khác: Phí Văn Trung V) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Anh chị có thời gian sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 mải chơi, nợ nần nhiều, gây thất thoát kinh tế gia đình. Không những vậy, mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn, cãi cọ, anh T1 còn đánh chị T nên nhiều lần chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà càng thêm trầm trọng. Đến 2022, anh chị sống ly thân, không còn liên lạc, không quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm, kinh tế. Gia đình anh T1 đề nghị Tòa án hòa giải, động viên anh chị về đoàn tụ, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành nhiều lần triệu tập anh T1 đến Tòa án để làm việc nhưng anh T1 không đến, không tham các buổi làm việc và không có lý do chỉ nhằm thể hiện gây khó khăn cho chị T. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không quan tâm, bỏ mặc nhau trong cuộc sống một thời gian dài nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị có Phí Thị Hồng Th, sinh ngày 31/10/2006; Phí Thị Phương T2, sinh ngày 26/3/2008, Phí Thị Kim D, sinh ngày 14/10/2018, hiện đang ở với anh T1 và ông bà nội.

Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy: Thời gian anh chị ly thân đến nay, ba cháu đều sinh sống cùng với anh T1 và ông bà nội. Ba cháu phát triển bình thường, khỏe mạnh, ngoan ngoãn, được học hành đầy đủ. Trong một năm gần đây, chị T không quan tâm gì đến các cháu cả về tình cảm lẫn kinh tế. Hiện tại, chị T không có nhà ở ổn định. Vì vậy việc giao ba cháu cho anh T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng, điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp nguyện vọng của các cháu. Chị T không trực tiếp nuôi dưỡng nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh T1 theo quy định của pháp luật. Chị T tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh T1 là

1.000.000đồng/1 tháng/1 con, ba con là 3.000.000đồng/1 tháng kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng. Xét yêu cầu này của chị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị T.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Đến nay, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Phí Văn T1(tên gọi khác: Phí Văn Trung V).

- Về con chung: Giao ba con chung là Phí Thị Hồng Th, sinh ngày 31/10/2006; Phí Thị Phương T2, sinh ngày 26/3/2008, Phí Thị Kim D, sinh ngày 14/10/2018 cho anh T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2023 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh T1 là 1.000.000đồng/1 tháng/1 con, ba con là 3.000.000đồng/1 tháng kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng.

Kể từ ngày anh T1 yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm thi hành số tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0001662 ngày 07/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị T còn phải nộp số tiền 300.000đồng.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kim Thành;
- UBND xã Kim Đính, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương